

Bản án số: 27/2024/DS-PT

Ngày 29 - 9 - 2024

*V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu  
và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Lâm Hồng

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Trần Văn Nghĩa

2. Ông Đặng Phi Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2024/TLPT - DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1495/2024/QĐPT-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1608/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Phạm Đức T, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ 28, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Mạnh H. Địa chỉ: Số nhà 007, phố T, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

**2. Bị đơn:** Bà Vũ Thị M, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Dương Lê Ước A (có mặt) và bà Hoàng Thị Kim T (vắng mặt) - Luật sư thuộc Công ty luật Hợp danh Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Hoàng Hữu Đ (có mặt) và ông Trần Văn T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Phòng 2110, Tòa A10-CTKĐT N, đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Lý Văn B, sinh năm 1974. Trú tại: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Khoảng cuối năm 2021 bà Vũ Thị M có nói chuyện với ông T rằng đang xây dựng nhà ở tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai và có nhu cầu chuyển nhượng 200 m<sup>2</sup> đất thuộc sở hữu của bà thửa đất liền kề thửa đất gia đình bà đang xây nhà với giá 850.000.000 đồng. Bà M hẹn giao đất và quyền sử dụng đất cho ông Phạm Đức T vào cuối năm 2022.

Do thửa đất trên cần làm thủ tục tách thửa nên ông T đã nhờ bà Nguyễn Thị L đứng tên làm giấy tờ với bà M còn ông T là người trả tiền. Về hợp đồng chuyển nhượng ghi vào sổ tay bà M lưu giữ ông T chỉ chụp lưu trong điện thoại. Trong khoảng thời gian từ ngày 18 tháng 10/2021 đến ngày 29/5/2022 ông T đã 07 lần chuyển tiền mua đất vào số tài khoản của bà M và số tiền bà M vay trước đó 200.000.000 đồng. Tổng số tiền là 850.000.000 đồng. Sau khi trả tiền nhiều lần, ông T yêu cầu bà M làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T nhưng bà M nói chỉ giao cho ông T 100 m<sup>2</sup> đất chứ không giao 200 m<sup>2</sup> đất cho ông T như giao kết năm 2021. Ông T không đồng ý và khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu bà M phải trả lại số tiền ông T đã chuyển cho bà M là 850.000.000 đồng.

**Bị đơn và người đại diện theo đại diện của bị đơn trình bày:**

Bà M chỉ giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị L vì vậy quyền và nghĩa vụ chỉ phát sinh giữa bà M và bà L mà không liên quan đến ông Phạm Đức T nên anh T không có quyền khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và bà L vô hiệu. Số tiền chuyển nhượng đất 850.000.000 đồng bà M đã dùng vào việc mua sắm và chi tiêu cho gia đình.

Việc ông T chuyển 850.000.000 đồng vào tài khoản của bà M là do bà L nhờ ông T thông qua tài khoản của ông T để chuyển tiền cho bà M còn giữa ông T và bà L thỏa thuận về tiền như thế nào bà M không biết.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn Bình trình bày:**

Các loại đất vợ chồng ông sử dụng bao gồm cả thửa đất chuyển nhượng cho bà L là đất do bố mẹ đẻ bà M cho tặng riêng bà M, bà M làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014. Ông B đăng ký kết hôn với bà M năm 2018 nên ông không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M và bà L.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lan trình bày:**  
Ngày 18/02/2022 anh Phạm Đức T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 150 m<sup>2</sup> đất của chị Vũ Thị M tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị L là người đại diện cho anh T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị M với giá 850.000.000 đồng. Chị L chỉ là người đứng tên hộ anh T trên hợp đồng, còn giao dịch mua bán, chuyển tiền giao đất giữa anh T và bà M thế nào chị không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai, khoản 1, 2 Điều 131 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng 141 m<sup>2</sup> đất ngày 18/02/2022 giữa bên chị Vũ Thị M và anh Phạm Đức T thông qua chị Nguyễn Thị L vô hiệu.

Buộc chị Vũ Thị M và anh Lý Văn B phải liên đới hoàn trả anh Phạm Đức T số tiền 850.000.000 đồng (Tám trăm lăm mươi triệu đồng).

Buộc anh Phạm Đức T trả chị Vũ Thị M tổng diện tích đất 141 m<sup>2</sup> có sơ đồ như sau: Phía đông giáp đường dân sinh, chiều dài cạnh thửa 5,18 m; phía tây giáp đất bà Vũ Thị M chiều dài cạnh thửa 6,37 m; phía nam giáp đất ông Vũ Thành Đ chiều dài cạnh thửa 23,89 m; phía bắc giáp đất bà Vũ Thị M chiều dài cạnh thửa 25,41 m. Trong tổng diện tích đất có 80,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 84; 60,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 207, tờ bản đồ số 84. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, chi phí xem xét thẩm định và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Ngày 24/7/2024, bị đơn bà Vũ Thị M có đơn kháng cáo với nội dung:

- Yêu cầu khởi kiện “Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/2/2022 giữa chị Vũ Thị M và chị Nguyễn Thị L là vô hiệu” của ông Phạm Đức T là không có căn cứ.

- Ông Trần Mạnh Hùng không có tư cách đại diện ông Phạm Đức T nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo tại Tòa án nhân dân huyện B.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện B không khách quan, không dựa vào chứng cứ hồ sơ vụ án.

- Hủy bản án sơ thẩm và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 25/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí liên đới cùng với bà Vũ Thị M hoàn trả cho anh Phạm Đức T số tiền 850.000.000đồng.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm,**

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 điều 308, Điều 309, Điều 289, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Xét xử theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B. Tuyên về án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B có đầy đủ nội dung, nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, là căn cứ để Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Phạm Đức T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu bà M phải trả lại số tiền ông T đã chuyển cho bà M là 850.000.000 đồng. Thừa đất các đương sự giao kết tại trên địa bàn huyện B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*” để thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

[3.1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M nội dung - Yêu cầu khởi kiện “Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/2/2022 giữa chị Vũ Thị M và chị Nguyễn Thị L là vô hiệu” của ông Phạm Đức T là không có căn cứ; Ông Trần Mạnh H không có tư cách đại diện ông Phạm Đức T nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo tại Tòa án nhân dân huyện B; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện B không khách quan, không dựa vào chứng cứ hồ sơ vụ án. Bà M đề nghị hủy án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Xét thấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Nguyễn Thị Lan và bà Vũ Thị M ngày 18/02/2022 là hợp đồng viết tay, các đương sự không giao nộp được bản gốc chỉ có bản phô tô do nguyên đơn nộp; hợp đồng không được công chứng, chứng thực vì vậy về hình thức hợp đồng trên là trái với quy định tại khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai, Điều 502 Bộ luật dân sự.

Theo điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai. Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất.

*“Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau:*

*a) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản.”*

Về nội dung thỏa thuận trong hợp đồng; Theo lời khai của chị Lan ngày 18/02/2022 anh Phạm Đức T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 150 m<sup>2</sup> đất của bà Vũ Thị M tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị L là người đại diện cho anh T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị Mỹ với giá 850.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà M không tách được thửa đất thỏa thuận bán, anh T yêu cầu bà M trả lại cho anh số tiền đã chuyển là 850.000.000 đồng. Qua các tài liệu các giao dịch chuyển tiền giữa anh T và bà M thể hiện bà M đã nhận số tiền 850.000.000 đồng để thực hiện giao dịch mua bán đất. Từ những phân tích nêu trên thấy rằng chị L chỉ là người đứng tên hộ anh T trong hợp đồng còn giao dịch mua bán, chuyển tiền giao đất giữa anh T và bà M thế nào chị không biết. Vì vậy chị L không có quyền và nghĩa vụ gì trong thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/02/2022. Lời khai của chị L phù hợp với lời khai của anh T, phù hợp với lời khai của bà M khi làm việc với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai, phù hợp với nội dung chứng cứ 44 trang Zalo do nguyên đơn anh T cung cấp. Vì vậy giao dịch trên vô hiệu do giả tạo theo quy định tại điều 124 Bộ luật dân sự.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T và bà M là trái pháp luật vô hiệu do không đảm bảo cả về nội dung và hình thức. Như vậy, yêu

cầu của nguyên đơn tuyên bố giao dịch chuyển quyền sử dụng đất ngày 18/02/2022 giữa anh Phạm Đức T và bà Vũ Thị M thông qua chị Nguyễn Thị L là vô hiệu buộc bà Vũ Thị M và ông Lý Văn B phải liên đới trả cho anh Phạm Đức T số tiền 850.0000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với diện tích đất qua xem xét thẩm định có diện tích 141m<sup>2</sup> hiện bà M đang quản lý nên bản án sơ thẩm tuyên buộc anh T phải trả lại cho bà M 141m<sup>2</sup> (kèm theo sơ đồ) tại thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai, là chưa phù hợp. Căn cứ bản án sơ thẩm không buộc anh T phải trả diện tích đất này là phù hợp.

Đối với việc anh T ủy quyền cho ông Trần Mạnh H đại diện tham gia tố tụng. Xét thấy đã đảm bảo đúng quy định tại điều 138 Bộ luật dân sự, quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ thu thập theo quy định để giải quyết khách quan vụ án. Vì vậy kháng cáo về nội dung này không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Ngoài ra, quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn bà Vũ Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ.

[3.2] Xét kháng cáo của ông Lý Văn B: Tại phiên tòa phúc thẩm ông B vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 296 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo của ông B.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án sơ thẩm không áp dụng Điều 407 Bộ luật Dân sự về hợp đồng vô hiệu, Điều 502 Bộ luật Dân sự về hình thức thủ tục thực hiện hợp đồng về quyền sử dụng đất là thiếu sót nên cần áp dụng thêm cho phù hợp.

Ngoài ra án sơ thẩm tuyên về chi phí thẩm định trả lại anh Phạm Đức T 1.208.000 đồng là chưa phù hợp vì trong quá trình giải quyết vụ án, số tiền này là số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tòa án nhân dân huyện B đã trả cho ông Trần Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Đức T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bị đơn bà Vũ Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Do đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo của ông Lý Văn B nên sung công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 295, khoản 3 Điều 296, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn B.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị M.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; Điều 124, Khoản 1, 2 Điều 131, Điều 407, Điều 502 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng 141 m<sup>2</sup> đất ngày 18/02/2022 giữa bên bà Vũ Thị M và ông Phạm Đức T thông qua bà Nguyễn Thị L vô hiệu.

Buộc bà Vũ Thị M và ông Lý Văn B phải liên đới hoàn trả ông Phạm Đức T số tiền 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị M và ông Lý Văn B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.500.000 đồng. Anh Phạm Đức T không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Phạm Đức T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001169 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị M số tiền đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003376 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Sung công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do ông Lý Văn B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003378 ngày 26/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Phùng Lâm Hồng**



THÀNH VIÊN HĐXX - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Bá Đường – Phạm Thị Dung**

**Vũ Quang Đại**

